**CÁI ĐẸP TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH**

***Nguyễn Thị Tịnh Thy[[1]](#footnote-1)***

Minh Đức Triều Tâm Ảnh được bạn đọc biết đến với tư cách là một nhà thơ, nhà thư pháp nhiều hơn là nhà văn, dù ông viết khá nhiều văn xuôi nghệ thuật, triết học, lịch sử, tôn giáo. Có lẽ, do ông xuất hiện lần đầu trên văn đàn với tư cách nhà thơ và do thành tựu thơ ca của ông rất lớn, hào quang thơ quá rực rỡ nên đã che khuất thành tựu văn xuôi, mà đặc biệt là truyện ngắn. Trong khi, truyện ngắn của Minh Đức Triều Tâm Ảnh rất ấn tượng, có giá trị, có phong cách và góp phần làm nên sự phong phú cho thể loại truyện ngắn của văn chương xứ Huế - miền Trung nói riêng và Việt Nam nói chung.

Cái đẹp là một phạm trù quan trọng của mỹ học, là giá trị cần thiết trong việc mang lại nhiều cảm xúc tích cực cho con người. Dĩ nhiên, cái đẹp luôn phải đáp ứng các tiêu chuẩn về tính thiện, tính hữu ích và hợp đạo lý. Văn chương viết về cái đẹp luôn khiến người đọc hướng đến cái cao cao cả, cao thượng, để có thể tìm về với tính bản thiện nguyên sơ hoặc đạt ngộ một điều gì đó lớn lao hơn so với cái bình dị đời thường. Vì thế, khi cái đẹp trở thành đề tài, thành cái mã nghệ thuật, thành phong cách sáng tạo của một nhà văn thì nó cần được nhìn nhận như một đối tượng nghiên cứu của khoa học văn chương. Đó chính là chủ đề của tham luận này, khi chúng tôi tiếp nhận hai tập truyện ngắn *Người trồng hoa và chàng tu sĩ* và *Bức tranh thay đổi thế giới* của nhà văn Minh Đức Triều Tâm Ảnh. Cái đẹp trong truyện ngắn của Minh Đức Triều Tâm Ảnh được biểu hiện ở thế giới hình tượng đẹp đẽ đến kỳ lạ - những yếu tố mang tính biểu tượng của văn hoá cổ xưa, ở các ý niệm mang tính luận đề về văn chương nghệ thuật và đạo lý, ở nghệ thuật tự sự độc đáo của nhà văn.

**1. Cái đẹp trong truyện ngắn của Minh Đức Triều Tâm Ảnh – thế giới của những điều kỳ lạ**

Vừa mang đặc điểm mỹ học của trường phái tượng trưng như Baudelaire từng đúc kết: “Cái đẹp luôn kỳ lạ” [6, tr.86], vừa chịu ảnh hưởng từ văn hoá truyền thống phương Đông, đặc biệt là loại hình tự sự cổ - trung đại, cái đẹp trong truyện ngắn của Minh Đức Triều Tâm Ảnh mang đậm dấu ấn của chữ “kỳ”. Nghĩa là tác giả đã chú ý đến những hình tượng khác lạ, vượt qua cái bình phàm và biến chúng thành đặc trưng thẩm mỹ trong sáng tác của mình. Vì thế, truyện ngắn của ông là cả một thế giới của kỳ hoa dị thảo, kỳ sự, kỳ vật, kỳ nhân, kỳ tài, kỳ tính... Cả thiên nhiên và con người đều mang đến sự ngạc nhiên kỳ thú cho người đọc.

 Trong truyện *Sâm Thương thảo*, lãng tử – du sĩ Huyền Nguyên đại sư và Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng đi tìm một loài cỏ vưu vật cổ kim hy hữu có tên là Sâm Thương thảo - “huyền hương thảo”. Mùi của nó mỏng, nhẹ, tế vi, sâu kín. Hương thoảng đến rồi thoảng đi. Bất cứ ai, một khi “gặp huyền hương thảo rồi thì không còn rời chân đi đâu được nữa!”. Trong *Hoa Thiên Hương*, một rừng hoa nở rộ, long lanh nhiều sắc màu tạo nên một cảnh sắc huy hoàng khiến thiền sư Mư-jô-chư “lặng người” “với mênh mông, vô tận, cái đẹp, cái sáng, cái chân phúc...”. Ở *Đạp tuyết tầm mai*, giữa cái trơ trụi của mùa đông, nổi bật lên một nhành mai tươi tắn, điểm lác đác mấy nụ vàng như thách thức và bỡn cợt với hóa công. Nhành mai “thần thông diệu hoá” dẫu ngàn vàng cũng không mua được, dẫu là bậc đế vương cũng chỉ có thể mơ ước mà thôi, lại xuất hiện ở chốn thiền môn nhờ công lao và ý chí “đạp tuyết tầm mai” của một vị sư. Nhành mai ấy không chỉ là kỳ vật, mà đó còn là kỳ công sau mười năm tu luyện lẫn lưu lạc giang hồ của người học trò không quên lời hẹn ước với sư tổ, trở về chùa xưa với báu vật này.

 Vườn hoa của ẩn sĩ họ Khưu *(Say hoa)* “có hơn trăm loại phong lan, trăm loại thổ lan, ngoài ra các loại danh hoa, danh mộc như trà mi, mẫu đơn, tảo mai, mộc cẩn, thục quỳ, oanh trúc... thì thật không kể xiết”. Trên cội cây, hốc đá, lối đi, bờ suối, triền non... đâu đâu cũng trăm sắc nghìn vẻ, ngập tràn những kỳ hoa dị thảo ở khắp nơi. Vườn của ông giáo già trong *Khóm mặc lan* là vương quốc của địa lan. Bạch ngọc, đại ngọc, tiểu kiều, mặc lan… được ông giáo tỉ mỉ chăm chút để bảo tồn vốn cổ, cái mỹ học của cha ông. “Nghề chơi cũng lắm công phu”, ông giáo yêu địa lan vì hiểu giống loài này. Nó cho hương sắc, nhưng mà rất khiêm nhường. “Sắc nó màu âm, màu lạnh; không phô trương, ồn ào như lan ngoại; lại càng không rực rỡ, trình diễn ngoại hình thời trang như hoa hồng. Nó rất lặng lẽ, khiêm cung, từ tốn... Hương thì sâu, kín - đúng như chữ *u hương* trong Đường thi!”. Ông ví von rất độc đáo: “Tôi không trồng hoa mà tôi trồng một bài thơ Đường”, giữ “hồn đất, hồn văn đó thôi!”… Sâm Thương, Thiên Hương, hoàng mai hay địa lan quý báu không chỉ từ giá trị tự thân, mà còn nhờ vào những tâm hồn biết quý trọng cái đẹp, tri âm với tạo vật của hoá công. Hoa cỏ không đơn thuần là thế giới tự nhiên mà còn là tấm gương phản chiếu khát vọng của con người muốn vươn tới cái toàn vẹn, toàn mỹ, thanh khiết và tinh khôi.

Trong hai tập truyện ngắn *Người trồng hoa và chàng tu sĩ* và *Bức tranh thay đổi thế giới*, một tiếng sáo tiếng tiêu *(Sâm Thương thảo)*, một bình hoa hay tiếng đàn *(Người trồng hoa và chàng tu sĩ)*, một bức tranh *(Điên chữ, Mảnh trăng tiền kiếp,…)*, một ván cờ *(Ván cờ sinh tử)*, một đường kiếm *(Ván cờ sinh tử, Sâm Thương thảo)*, một thế võ *(Trầm Luân Lục Tử)* cũng đẹp đẽ khác thường; bởi vì, chúng được làm nên từ những con người có kỳ tài xuất chúng. Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng trong *Sâm Thương thảo* thổi một khúc tiêu có thể là tục, có thể là thanh như trò ảo thuật. Nghe tiếng tiêu đó, Huyền Nguyên đại sư nghĩ rằng: “Cái con người này, nếu là nho sinh thì kiến thức phải siêu quần bạt tụy. Là kiếm sĩ thì phải là tay kiếm trác việt thông thần... Là gã giang hồ thì đúng là biên phương mù mịt! Còn nếu là tướng quân? […] thì thật là may cho vận nước!”. Qua bàn tay của nghệ nhân Mê-đa-su *(Người trồng hoa và chàng tu sĩ)*, dẫu bình hoa chỉ đơn sơ ít nụ hoặc chỉ vài loại hoa cỏ tầm thường trong cái đĩa, cái bình sứt mẻ, chúng vẫn tỏa ra cái vẻ toàn hảo và thanh khiết nhất. “Một bình hoa như vậy,… phải được “mọc” ra từ một tâm hồn nắm vững bí quyết của nghệ thuật: cái đẹp, cái nâng bổng, cái làm cho phong phú, tươi thắm thêm cuộc sống và tình người”. Cái đẹp đó là cảm thức sabi (Cảm thức có được ở vẻ đẹp tao nhã, u huyền từ những vật cổ xưa, từ thiên nhiên tĩnh lặng, không gian tịch liêu…) và wabi (vẻ đẹp từ cái đơn sơ, đời thường, khắc khổ, khiêm nhường của những sự vật quanh ta); là mỹ học Thiền tông của Nhật Bản (yugen) với sự đơn sơ, tịch tĩnh mà xao xuyến hồn người.

Khi nghệ nhân mù loà Mê-đa-su ao ước được nhìn thấy khung cảnh của vườn hoa trước lúc giã biệt thế gian này, chàng tu sĩ cầm lấy cây đàn Kôtô. Sợi dây đàn rung lên, “tất cả người vật như chìm đi, như ngất đi trong biển âm thanh kỳ lạ”. Trong đôi mắt của cụ già như có ánh lửa, và tuyết tan, chồi lên, nụ nở; cả biển hoa trắng nở bung, chảy tràn mênh mông. Tiếng đàn của chàng tu sĩ nhiệm mầu như chiếc lá thường xuân của lão hoạ sĩ Behrman kéo dài ngày tháng hy vọng cho cô gái Johnsy trong *Chiếc lá cuối cùng* của O. Henry. “Cái đẹp cứu rỗi thế giới”, cái đẹp cứu rỗi những tâm hồn bất hạnh luôn khao khát sống, khao khát chiêm ngưỡng những vưu vật của tạo hoá ban cho thế gian này như một sự diệu kỳ.

Cũng trong cảm thức sabi và wabi, cành mai kỳ lạ của vị tu sĩ trong *Đạp tuyết tầm mai* phải được đặt trong một chiếc lọ kỳ lạ, trên miệng đã sứt hai chỗ. Đấy là di vật của tổ sư. Bức tranh trên lọ là một ông lão cưỡi la qua cầu, đằng sau là chú tiểu đồng vác một cành mai, cuốn bụi chạy theo, hoa rơi từng đóa, từng đóa... Đúng là “mỹ trung bất túc” – cái đẹp là cái không hoàn hảo. Chiếc lọ cổ sứt mẻ và phủ đầy bụi thời gian lại rất hợp với cành mai già dặn phong sương, “gốc to đen sần sùi, gân guốc, bám đầy rêu đá”. Vật tìm vật, người nhận người, chuyện gợi chuyện,… cứ thế, nhà văn dẫn dắt bạn đọc đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác như mạch nguồn của cái đẹp không bao giờ vơi cạn trong cuộc đời này và trong sáng tạo văn chương.

Bên cạnh muôn hồng ngàn tía của thiên nhiên và nghệ thuật, con người - với tài năng, khí chất, nghĩa tình và đạo hạnh - còn là cái đẹp đáng lưu tâm. Tu sĩ Ô-chu *(Chiếc áo cũ)* rời thiền viện ra đi, vang danh bốn cõi, nhưng khi trở về vẫn mặc lại tấm áo cũ ngày xưa mà sư phụ tự tay khâu vá cho mình. Chàng tự nguyện làm một môn sinh mới, mỉm cười với tất cả các trò “lính cũ bắt nạt lính mới”. Ở chàng có cả sự kham nhẫn, vô ưu, thiên chân,… đó là phẩm chất của một bậc chân tu giữa nháo nhác những tranh quyền đoạt vị ở chốn thiền môn. Vị lão huynh trong *Đạp tuyết tầm mai* mang đầy nhiệt huyết xuống núi sống đời hạnh nguyện, tát nước bể đông, biến cải thế gian. Trọn một đời tìm kiếm, hoạch đắc, cái gia tài vô giá ấy đã rơi rụng xuống dọc đường, trên mọi nẻo tối tăm của dục vọng và bản ngã... Nhưng rốt cuộc vị lão huynh này đã trở về, thành khẩn trở về vì lời hứa với tổ sư, vì “chỉ muốn đặt dưới chân Tổ sư một cành mai nguyên vẹn mà thôi”. Ông giáo già trong truyện *Khóm mặc lan* một đời thanh bạch, dạy con không chỉ bằng lời nói mà còn bằng hành động, bằng thân giáo của chính mình. “Không thầy đố mày làm nên. Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”; “bản lãnh của kẻ sĩ là phải thể hiện cho bằng được đời sống tinh thần không bị nhiễm ô...”. Những đạo lý đơn giản ấy đang ngày càng trở nên mất dần trong “tình trạng tha hóa, tụt dốc phẩm chất, khuyết tật kiến thức” thời nay. Ông giáo cùng con trai lặn lội lên chốn cửa sài của vị sư mà ông tôn làm thầy. Ông đặt khóm mặc lan nơi bàn đá để cho nhà sư đón Tết... Dù nhà sư không biết đã phiêu lãng nơi đâu, nhưng tấc lòng tri ân, tri âm của ông giáo với nhà sư vẫn mãi còn đây…

Thế giới của cái đẹp trong truyện ngắn của Minh Đức Triều Tâm Ảnh mang nét uyên nguyên và tao nhã phương Đông, mà cụ thể là tính liên văn hoá truyền thống của Việt Nam, Nhật Bản và Trung Hoa. Từ trong cầm kỳ thi hoạ, hoa tuyết nguyệt sương, rượu trăng tiên kiếm, điền viên sơn thuỷ,… tinh tuý của mỹ học phương Đông được thẩm thấu qua triết lý Thiền tông trở thành những hình tượng – biểu tượng thẩm mỹ độc đáo. Đó là nét riêng biệt, là cá tính sáng tạo của nhà văn Minh Đức Triều Tâm Ảnh khi xác tín với độc giả “Niết Bàn là cái đẹp”. Thiên nhiên, vật phẩm, con người trong truyện ngắn của ông đều thuộc dạng hiếm có, khó tìm đến mức kỳ lạ. Tuy vậy, khác với cái đẹp cầu kỳ như món cà muối của phủ Vinh trong tiểu thuyết *Hồng lâu mộng* (Tào Tuyết Cần – Cao Ngạc) hay thú uống trà, thưởng hoa, ngậm kẹo trong *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân, cái đẹp của Minh Đức Triều Tâm Ảnh không cầu kỳ, mà giản dị, cũ kỹ và thậm chí là khiếm khuyết (tấm áo cũ, bình hoa cũ bị sứt mẻ,…). Cái đẹp, cái kỳ đó, nhiều lúc đã đạt đến độ “phi kỳ chi kỳ”, mang cảm thức thẩm mỹ về cái đẹp không hoàn hảo: “mỹ trung bất túc”. Như thế, tựu trung, “kỳ” không phải là sự khác lạ, hiếm hoi của sự vật; mà quan trọng là cách chúng ta nhìn về sự vật, đối đãi với sự vật, phả cái tâm của mình vào sự vật. Khi ta trân trọng, yêu quý cái mà người đời xem là đáng bỏ đi, nhưng với ta là cái quý giá, vì cái tình rất lớn chất chứa trong nó; thì như thế, kỳ vật, kỳ sự sở dĩ có được không phải la do kỳ công mà là do kỳ tâm – cái đẹp của cái đẹp.

Ngoài việc thể hiện thái độ yêu quý và trân trọng cái đẹp của nhà văn, chữ “kỳ” còn là dấu ấn của tự sự trung đại phương Đông mà các văn nhân – tu sĩ thường chịu ảnh hưởng; bởi vì lý tưởng thẩm mỹ của loại hình tự sự này là “phi kỳ bất truyền” (không ly kỳ thì không thể lưu truyền). Tuy nhiên, hai tập truyện ngắn *Người trồng hoa và chàng tu sĩ* và *Bức tranh thay đổi thế giới* không phải là một cuộc triển lãm về cái đẹp đơn thuần nhằm thoả mãn thị hiếu kiếu kỳ của người chiêm ngưỡng mà luôn mang “tầm vóc giáo huấn bằng cách gắn liền ý tưởng về cái Đẹp với lý tưởng về Chân lý để minh hoạ cho cái Thiện. Do đó xuất hiện một ý niệm về cái đẹp đạo lý” [6, tr.83].

**2. Cái đẹp đạo lý và mỹ cảm văn chương của Minh Đức Triều Tâm Ảnh**

Cái đẹp trong truyện ngắn của Minh Đức Triều Tâm Ảnh không phải thuần tuý nghệ thuật vị nghệ thuật mà hàm chứa nhiều triết lý về đạo và đời, về tiếp nhận và sáng tạo nghệ thuật.

Các nhân vật trong *Hoa Thiên Hương, Sâm Thương thảo*, hoặc *Đạp tuyết tầm mai* yêu quý, tôn thờ và săn tìm cái đẹp. Cái đẹp là đích đến. Tuy nhiên, nói như triết gia Trang Tử: đích đến không quan trọng bằng hành trình đi đến. Trong hành trình tìm đến cái đẹp, các nhân vật nhận ra “cái đẹp phù du”, “phù du sinh diệt”, cho dù “lên non cao lạnh giá mà xem hoa nở, mà chờ trăng lên, chiêm ngưỡng cái khoảnh khắc sinh diệt của cái đẹp phù du”, thì cái bản lãnh “xứng danh là thiên hạ đệ nhất nhân” ấy cũng không bằng ngộ ra kết quả cao nhất của cuộc kiếm tìm là “đổi được cái an cho trăm họ”, duy trì  “cái dũng của các đấng tiên hiền” và “đạo Phật nhờ vậy cũng được hưng thịnh dài lâu” *(Sâm Thương thảo).* Trách nhiệm của kẻ sĩ với quốc gia và của nhà sư với đạo Phật đều được đặt cao hơn thú kiếm tìm kỳ hoa dị thảo. Trong cuộc kiếm tìm này, đại sư đã thấy được báu vật trong lòng của Hưng Nhượng Vương, khi ông khẳng khái tuyên bố sẽ vì việc nước mà gạt bỏ những bất bình riêng. Đồng thời, vương gia cũng mừng rỡ khi nghe lời quả quyết của đại sư: “… hai nhánh trưởng và thứ của nhà Trần kia hòa thuận với nhau để chung lưng đấu cật khuôn phò xã tắc, đạo Phật nhờ vậy cũng được hưng thịnh dài lâu - thì cái huyễn thân của bần đạo còn ích dụng hơn cái tài Hoa Đà, Biển Thước kia quá nhiều!”. Một người liều chết để giữ tinh thần bảo vệ cơ đồ xã tắc, một người liều chết để điều đó thành hiện thực. Chính “đại bản lãnh” của họ đã khiến đất trời nở hoa chăng? “Là Huyền Hương thảo? Là Tuyết Mai hoa? Là Sâm Thương thảo? Chịu! Không biết!”. Chỉ biết rằng, khi những chí lớn gặp nhau, cái đạo ái quốc được hiển lộ, thì chính con người cũng nở hoa, vì “người ta là hoa đất”. Phẩm hạnh của con người là cái đẹp kỳ việt, “nó chân phúc, vĩnh cửu hơn cả những gì người ta hằng ý niệm” *(Hoa Thiên Hương).*

Võ sư – nhà sư Vệ Hải *(Kẻ được chân truyền)* chỉ qua hai giai đoạn mà đã rèn dạy cho hai vị hoàng tử tinh thông võ nghệ, võ đạo và phép trị nước. Nhà vua nóng lòng muốn tiếp tục với giai đoạn thứ ba, Vệ Hải trả lời: “Con đường tự thắng mình!”. Đó là con đường cuối cùng, con đường sâu thẳm, gian nan và xa tít tắp. Bậc đế vương có tới được hay không? Câu trả lời có thể tìm thấy ở truyện ngắn *Mảnh trăng tiền kiếp* và *Chiếc áo cũ*. Hoàng đế Mễ Sa trong *Mảnh trăng tiền kiếp* sống đến hai kiếp làm người. Kiếp trước làm tu sĩ, ông là một nhà sư có tài cao chí lớn. Ông từng vẽ một bức tranh sơn thuỷ, “nét bút khoát hoạt, mờ ảo đầy vẻ phóng dật, tiêu sái…”, nét tĩnh, nét động đã toát ra đúng độ, hài hòa, khí vận trôi chảy tự nhiên, nhất quán. Nhưng tác phẩm này còn thiếu một mảnh trăng. Thêm một mảnh trăng sơ huyền ẩn hiện sau màn sương, bức tranh sẽ tỏa sáng, có tư tưởng và tăng xúc cảm hơn. Bức tranh còn dang dở, vì nhà sư muốn trải qua những kinh nghiệm khoái lạc và đau khổ trong ba cõi sáu đường rồi mới có thể giác ngộ. Ông nguyện kiếp sau sinh làm hoàng đế để xem thử mùi vị cao sang quyền thế nó như thế nào. 40 năm sau, ông được thoả nguyện, đắm say vào vinh hoa dục lạc, “tình ái si mê, tù trong lục đạo, trăm dây phiền não, nghiệp báo không rời...”. Nhìn lại bức tranh tiền kiếp, ông vẫn không tìm thấy mảnh trăng sơ huyền mà mình đang mắc nợ, bởi vì lòng ông vẫn còn vướng bận với “chiếc ngai vàng tanh hôi danh lợi”. Ông không bao giờ có được vầng trăng sơ huyền kỳ diệu. Người bạn đồng môn chỉ còn biết lắc đầu trước sự u mê lầm lạc của nhà vua. Mảnh trăng tiền kiếp vẫn ở trên trời, như nhắc đến câu nói đã trở thành ngạn ngữ trong *Sa thạch tập*: “Giá như ta cho ngươi cả vầng trăng” và bài thơ Haiku của thiền sư Ryokan: “Tên trộm đi rồi/ bỏ quên bên cửa sổ/ một vầng trăng soi”.

Khác với Mễ Sa hoàng đế, chàng tu sĩ Ô-chu trong *Chiếc áo cũ* vượt qua tất cả những si mê lầm lạc đời thường, trở về với sự chất phác nguyên sơ của đạo. Vì thế, chàng được sư phụ chọn làm người truyền thừa. Nhưng chàng chiến thắng chính mình bằng cách kết thúc tất cả: cả pháp (đạo) lẫn nhân (người). Từ giã thiền viện, nhẹ nhàng, âm thầm và cô liêu hơn cả kẻ từ giã cuộc đời, chàng đến một động đá, trịnh trọng khoác chiếc áo cũ lên người rồi kiết già tịch diệt, trên môi còn nở nụ cười an nhiên bất diệt. Triết lý cao nhất, con đường tốt nhất cho những người ở lại là “hãy tự mình thắp đuốc mà đi”. Phật tại tâm, ai tu nấy chứng. Người say Phật cũng giống như người say hoa *(Say hoa).* “Tục, thanh hay thoát tuy có khác nhau nhưng cũng là một cách say đó thôi!”. “Phật là hoa. Hoa là Phật. Phật là tối thắng hoa, diệu thắng hoa”. Người “bận đi tìm Phật nên chẳng thấy hoa bao giờ”. “Mở mắt ra nhìn, anh sẽ thấy Thượng Đế anh thờ không ngồi phía trước!/ Người ở nơi kia, nơi nông dân đang vật lộn cùng đất cứng, nơi công nhân đang xẻ đá làm đường. Hãy cởi tăng bào, rồi cũng như Người bước xuống đất cằn bụi bặm…” (*Thơ Dâng* - Tagore). Chân lý của đạo trong quan niệm của Minh Đức Triều Tâm Ảnh đã bắt gặp tư tưởng của thi hào Tagore. Vì thế mà thiền sư William *(Đôi bạn)* từ giã phồn hoa đô hội để ở lại sống cùng những người thổ dân nơi góc núi ,“không tham vọng, không chiến tranh, không hận thù; và rau trái, khoai mì là do bàn tay và mồ hôi đánh đổi một cách chính đáng, lương thiện...”, “đừng tham muốn thêm mà cũng đừng bất bình muốn bớt”.

Vệ Hải ra đi, Ô-chu tịch diệt, vị sư huynh của chùa Thiên Môn sau mười năm vác thanh gươm thiền đạo lang bạt kỳ hồ trở về đặt dưới chân tổ sư một cành mai nguyên vẹn rồi cũng tiếp tục phiêu bồng. Ông để lại mấy dòng thư như một mật ngữ của “khổ đế” trong bức tranh “Đạp tuyết tầm mai”: “Chỉ có đau khổ và sự giác ngộ đau khổ. Không còn gì nữa hết. Không có gì đáng nói ở trong đời”. Sự kết hợp giữa Phật đạo và võ đạo, giữa bất dịch và lưu hành, giữa khổ đế và diệt khổ đã tạo nên một thông điệp thật sâu sắc cho người đọc.

Cái đẹp trong truyện ngắn của Minh Đức Triều Tâm Ảnh còn chuyển tải quan niệm nghệ thuật của nhà văn. Nhân vật Hạc trong *Điên chữ* phát điên vì chữ. Anh ta mang một núi tư tưởng trong đầu và khao khát chuyển tải tư tưởng qua nghệ thuật. Mỗi tư tưởng là một cục đá - một câu hỏi. Quăng được một cục đá, cuộc đời lại nhét vô thêm hai cục, ba cục. Giải quyết được một câu hỏi, cuộc đời lại tròng thêm trăm câu hỏi, ngàn câu hỏi... Ngày ngày anh hét lên câu “Quăng cục đá ra ngoài! Quăng cục đá ra ngoài!”.Nhà sư chẩn bệnh cho Hạc mà như một tuyên ngôn nghệ thuật: “Bạn đừng mong rằng nghệ thuật là để diễn đạt tư tưởng, nhất là tư tưởng kiêu kỳ và thâm viễn của bạn. Tư tưởng muôn đời là cái tranh chấp, xung đột và ly tán. Nghệ thuật là cái đẹp vô biên giới, ở ngoài khách quan và chủ quan, chỉ để nhìn ngắm và cảm nhận vô ngôn. Tư tưởng là lý trí và tế bào não. Nghệ thuật là con tim và cảm xúc”.Dĩ nhiên, không thể tồn tại một thứ nghệ thuật không tư tưởng. Ngay cả nghệ thuật về cái tuỳ tiện, cái ngẫu hứng, ngẫu nhiên của trường phái Đa Đa thì vẫn có tư tưởng giễu cợt, phi lý, đả phá cái được cho là nghiêm túc, trang trọng, cao siêu khiến nghệ thuật luôn phải cõng lấy tư tưởng đến mức cầu kỳ và đánh mất cái bản tính hồn nhiên của nó. Tuy vậy, điều mà nhà sư muốn hướng đến là người nghệ sĩ cần “biết sống như thực với lòng mình, không giả vờ, không che giấu, ngụy trang... Cuối cùng nữa, là không để cho những ngã ái, ngã kiến - những cục đá kiên cố, trơ mốc, ù lì, nặng nề thường làm cho chúng ta nghiêng lệch cán cân trung hòa nội tâm”.

Chàng hoạ sĩ trong *Bức tranh cuối cùng* luôn cảm thấy bế tắc khi sáng tác. Chàng quyết định ra đi, lòng thầm mong nhờ khổ đau, lớn khôn, bụi cát, cô đơn, hy vọng và tuyệt vọng sẽ tiếp lửa cho tài năng của mình. Lúc ấy, chàng sẽ trở về chốn cũ, tiếp tục phủ đường nét và màu sắc lên cái khung vải ngày xưa đang để trống. Mười lăm năm lãng du, chàng đã sống quá nhiều, dạt trôi đã quá nhiều, hoan lạc và khổ đau quá nhiều, suy tư và sáng tạo cũng đã quá nhiều! “Nhưng than ôi! Cái đỉnh cao của nghệ thuật - cái Chí Mỹ - thì vẫn còn ở cuối chân trời mù mịt”. Có một cái gì bãng lãng, bồng bềnh, sâu thẳm của thế gian này mà không bao giờ cây cọ của chàng chụp bắt được. Vì thế, dù kỳ vọng rất nhiều, chàng đã thất bại vô cùng đớn đau trong lần triển lãm cuối cùng. Người xem tranh không cảm nhận, tri nhận được điều mà chàng gửi gắm trong tranh. Cuối cùng, hoạ sĩ ngộ ra chân lý của sáng tạo nằm ở cái “thực tại”: “Cái vô hạn, cái vĩnh cửu là ở đây và bây giờ. Cái chí mỹ, cái đẹp tuyệt vời ở chính ngay nơi đời sống tầm thường này: gánh nước, bửa củi, đẵn tre”. Suốt cuộc đời tìm kiếm, sở dĩ không bao giờ chàng với tới được thực tại; sở dĩ cây cọ của chàng bất lực là vì chàng không bao giờ vẽ “thực tại” mà chỉ vẻ tâm niệm, tư và tưởng của chính mình. Cũng như chàng, người xem tranh không hiểu chàng bởi vì họ cũng chỉ xem bằng tâm niệm, tư và tưởng của chính họ. Điều này thật giống với cách xem tranh trong truyện ngắn *Bức tranh thay đổi thế giới*. “Chính *tư, tưởng và thức* là thủ phạm làm cho cái nhìn của chúng ta bị sai lệch, đảo điên”. Nếu áp đặt *tư, tưởng và thức*, thì vì một bức tranh, chúng ta bắt cả thế giới phải thay đổi theo sở đắc, sở kiến và sở nguyện của mình. Cần phải thay đổi cái nhìn áp đặt ấy bằng“một cái nhìn trạm nhiên, trong suốt, vô vi, mới mẻ... không qua phân tích, lý giải, không bị nô lệ bởi tư, tưởng và thức”. Lại nữa, ở bức tranh này, mỗi lần ngắm nhìn là chúng ta sẽ nhận ra một ý nghĩa khác nhau từ nó. Cứ hễ chúng ta nghĩ là gì thì nó sẽ hiện ra như thế, đúng như tâm và tưởng của chúng ta vẽ ra. Tuy nhiên, tất cả chúng chỉ là ảo ảnh, là cái do ta tưởng tượng mà nên, mong muốn mà có. Còn cái thực thì chỉ duy nhất hiện ra *“đúng như mà nó là..”* khi bức tranh được quay mặt về hướng Đông. Nhưng, muốn đặt bức tranh về hướng Đông thì phải thay đổi cả thế giới. Vậy thì, cái thực là cái bất khả! Triết lý này vượt ra khỏi lĩnh vực nghệ thuật, khiến người đọc không thể không suy tư trước mọi thực - ảo của cuộc đời và trăn trở với khái niệm “sự thật tuyệt đối” như quan điểm bất tín nhận thức kiểu “Rashomon” của Nhật Bản.

Qua những truyện ngắn có đề tài hội hoạ, mỹ học sáng tác và mỹ học tiếp nhận của văn chương nghệ thuật được tác giả Minh Đức Triều Tâm Ảnh trình bày một cách hình tượng, đầy uyên áo và phổ quát. “Đặc trưng của cái đẹp được xác định thông qua mối quan hệ của nó với các loại hình giá trị khác: giá trị thực dụng (lợi ích), giá trị nhận thức (chân lý), giá trị đạo đức (cái thiện)” [8, tr.41]. Những ẩn dụ, thông điệp mà nhà văn Minh Đức Triều Tâm Ảnh gửi gắm từ cái đẹp đều hội đủ những đặc trưng mang ấy. Đó là mỹ cảm văn chương của Minh Đức Triều Tâm Ảnh. Vì thế, sáng tạo của ông không sa vào chủ nghĩa duy mỹ (chỉ quan tâm đến cái đẹp, không quan tâm đến đạo đức, đạo lý,…) mà luôn nhận được sự đồng điệu từ cảm xúc thẩm mỹ của người đọc, giúp họ “khám phá ra vẻ đẹp của thế giới và của chính mình, đồng thời nhân hoá thế giới và nhân hoá chính mình” [10, tr.72].

**3. Tự sự về cái đẹp của Minh Đức Triều Tâm Ảnh**

Để trình hiện thế giới của cái đẹp và thuyết minh cho quan điểm của mình, tác giả của hai tập truyện ngắn *Người trồng hoa và chàng tu sĩ* và *Bức tranh thay đổi thế giới* đã ký thác quan niệm nghệ thuật ở kiểu nhân vật kiếm tìm, thủ pháp đối thoại và ngôn ngữ giàu chất thơ của một ngòi bút có vốn kiến văn sâu rộng, uyên thâm về đạo Phật – Thiền tông và am hiểu sâu sắc về nghệ thuật.

Thế giới trong các truyện ngắn là thế giới của hoài niệm. Nhân vật huyền thoại, thời gian quá khứ, không gian đậm chất truyền kỳ trải rộng từ Việt Nam sang Nhật Bản, Ấn Độ đến phương Tây xa xôi khiến truyện ngắn của Minh Đức Triều Tâm Ảnh mở rộng thêm chiều kích của đối tượng phản ánh và sự sâu thẳm của tư tưởng. Hầu như mọi ranh giới về quốc gia, dân tộc,… đều bị xoá nhoà, chỉ còn lại con người, đức tin và nghệ thuật. Con người sống vì cái đẹp, theo đuổi và tôn thờ cái đẹp như một tôn giáo và hầu như chưa bao giờ hài lòng với những gì đang có. Bởi cái đẹp là cái vô cùng, cho nên họ mải miết kiếm tìm, dừng lại rồi đi tiếp. Họ trở thành những hành giả của cái đẹp. Những hành giả ấy mang tình yêu thiên nhiên, tư tưởng Thiền tông và tư tưởng du hiệp. Ngôn ngữ của họ là thứ ngôn ngữ phát ra tư tưởng và quan niệm. Vì thế, đối thoại của các nhân vật trở thành các diễn ngôn: diễn ngôn tôn giáo, diễn ngôn văn hoá, diễn ngôn nghệ thuật,…

M. Bakhtin từng cho rằng: “Tất cả đều là phương tiện, đối thoại là mục đích. Một tiếng nói không kết thúc gì hết và không giải quyết gì hết. Hai tiếng nói là cái tối thiểu của sự sống, cái tối thiểu của tồn tại” [5, tr.235]. Đối thoại thực chất là thể hiện sự đối lập về lập trường tư tưởng của nhân vật, làm nên đặc điểm đa thanh, phức điệu cho tác phẩm. Trong *Bức tranh cuối cùng*, các nhân vật trò chuyện, tranh biện, khuyên giải nhau, nhằm “hoài thai sức lửa lớn để chuẩn bị cho cuộc cháy bùng trên đỉnh cao sáng tạo”. Từ đó, lý luận về sáng tác và tiếp nhận, mỹ học và mỹ cảm được trình bày một cách thuyết phục, mà đặc biệt là mỹ học Thiền tông – “thi pháp chân không” mà ta thường thấy trong thơ Haiku, trong tranh thuỷ mặc, sân khấu Noh hay truyện của Kawabata được nhắc lại một cách rõ rành hơn: “cái làm nên bức tranh không phải là màu sắc, cũng không phải là hình ảnh, mà chính là khoảng trống. Nhờ khoảng trống, bức tranh nó mới có “đời sống” - đang sống trong không gian bao la và thời gian vô tận”. Tương tự, các quan niệm nghệ thuật từ những truyện ngắn *Điên chữ, Bức tranh thay đổi thế giới, Đạp tuyết tầm mai, Mảnh trăng tiền kiếp,…* cũng được tác giả Minh Đức Triều Tâm Ảnh trình bày thông qua đối thoại.

Đối thoại của Fanny và Williamtrong *Đôi bạn*, của Jabindu và Robinson trong *Bức tranh thay đổi thế giới* là sự đối lập, xung đột văn hoá Đông Tây, xung đột giữa văn minh và văn hoá, con người và tự nhiên,… Đó là những “sự va chạm của các nền văn minh” trên con đường đi tìm hạnh phúc đích thực – hạnh phúc bên trong của con người.

 Ở các cuộc đối thoại khác, người đọc có thể tìm thấy rất nhiều quan điểm tôn giáo, quan điểm về đời sống khiến truyện của Minh Đức Triều Tâm Ảnh có dạng thức của truyện luận đề, truyện ý tưởng rất đậm nét. Đối thoại trong *Hoa Thiên Hương* cho thấy “các quan niệm về Thượng đế, thiên đường vĩnh viễn và địa ngục vĩnh viễn là những tư tưởng ấu trĩ…”. “Thiên hương” không bằng “thiên lương”, “thiên lương” không bằng “tuệ giác” - là năng lực sáng suốt tự tâm”. “Tôi hít thở với thiên phúc. Và đấy chính là “thượng phẩm thượng sanh”, là Niết-bàn, là Tịnh Độ, là Cực lạc mà ta hằng chối từ trong mỗi phút giây. Bây giờ và ở đây, sống chí chân, chí thiện và chí mỹ - đó chính là an trú, là chánh niệm, là an lạc trong từng bước chân, từng hơi thở. Đối thoại trong tác phẩm đưa con người đến sự tỉnh thức, tìm lại chính mình, tìm thấy Niết-bàn ở trong ta.

Cuộc đối thoại giữa vị sa môn cô độc và người Phật tử của truyện ngắn *Mù sương* ngổn ngang bao điều về lẽ sống, về chấp nê. Còn chấp nê là còn khổ: “Hóa ra, trong óc em, chỉ có cái đúng, cái sai - chứ không có cái gì khác nữa sao?”; “Cuộc đời này, tất cả những vấn đề như lẽ thật, sự thật, cái đẹp, điều thiện hoặc bất kỳ cái gì khác… thường không ở trong phạm trù hạn hẹp của cái đúng, cái sai đơn giản ấy đâu”. Đúng vậy, làm sao có thể dùng đúng – sai để lý giải cái phi lý, cái trái khoáy, cái ngu si, cái điên đảo, cái hợm hĩnh làm xót đau những trái tim chân thực, làm héo quắt đi những tấm lòng cao đẹp. Những tâm sự của vị sa môn trong tác phẩm đã từng được kết tinh trong mấy câu thơ của Minh Đức Triều Tâm Ảnh: “... đời đạo sĩ, con còng già bỏ tổ/ lên non cao còn sợ nước triều dâng/ bụi đầy áo, phủi hoài tay cũng mỏi/ có nhiều khi ẩn dật cũng ưu phiền ...” *(Đạo sĩ và hư vô).*

Viết về cái đẹp, để cho người đọc nhìn thấy, cảm nhận được cái đẹp thì đòi hỏi nhà văn phải có năng lực biểu đạt cái đẹp. “Tiêu chuẩn đầu tiên của một tác phẩm hay là phải có ngôn ngữ hay, ngôn ngữ là sự tìm kiếm lớn nhất của nhà văn” [9, tr.228].Vì thế, thành công của truyện ngắn Minh Đức Triều Tâm Ảnh còn thể hiện ở ngôn ngữ nghệ thuật. Ngôn ngữ kể, tả hay bình luận của ông cũng đều sống động, linh hoạt, giàu chất triết lý và chất thơ, lại đậm cảm thức hoài cổ: “Trong chậu, mấy đóa trà mi trắng nõn nường. Như lụa? Như thủy tinh? Như sương? Có lẽ chẳng phải thế! Nó như màu nguyệt bạch hoặc như màu bạch ngọc nhìn qua làn trăng mỏng. Cũng không hẳn thế” *(Say hoa)*; “Đôi mắt ấy là cả cuộc đời, là trọn vẹn cuộc đời, là toàn thể vũ trụ đại hóa. Chàng đã say mê, điên đảo”; “Vẻ đẹp ấy quả là vẻ đẹp ngàn đời, không có khuôn khổ và kích thước. Bao giờ cũng vẫn như gần, như xa, vừa trầm luân vừa thánh thiện, trong cuộc đời mà ngoài cuộc đời, hữu hạn mà vô cùng...” *(Bức tranh cuối cùng)*. So sánh theo lối khẳng định rồi phủ định; lúc thì cụ thể hoá, lúc thì mơ hồ huyễn hoặc khiến người đọc vừa muốn thoát ra khỏi sự ước lệ, vừa như đắm chìm trong ước lệ, để cho tưởng tượng tham gia vào việc chiêm ngưỡng nghệ thuật như một hành động đồng sáng tạo.

Ngôn ngữ của các truyện đều phảng phất không khí của Đường thi, đậm mùi võ hiệp, du hiệp. Chỉ cần một vài từ ngữ và điển cố, nhà văn có thể đưa ta bước vào thế giới của ẩn sĩ: “Cửa sài hai cánh mở, mây trắng bước vào ra, phù sinh chừ rỗi việc, rong chơi suốt bốn mùa...” *(Khóm mặc lan*). Với vài câu tự giới thiệu trong *Ván cờ sinh tử*, chân dung của nhà sư – kiếm vương – kỳ vương hiện ra uy nghi vô song: “- Này chư tử! Thuở còn trai trẻ, làm kiếm khách áo trắng, ta ít khi rút kiếm ra khỏi bao, rút ra là phải chém. Hàng tục sĩ gọi ta là Kiếm vương.

Này chư tử! Thuở còn trai trẻ, làm giang hồ kỳ thủ, ta ít khi chơi cờ. Khi đã chơi, một quân cờ đặt xuống - trọng lượng một quả núi - sẽ kết thành định mệnh. Định mệnh không lặp lại hai lần. Dòng sông đã chảy, vậy thì những quân cờ kế tục đi đến chung quyết. Không do dự. Không ngập ngừng. Người đời gọi ta là Kỳ vương”.

Có thể nói *Ván cờ sinh tử* là truyện ngắn hay nhất của Minh Đức Triều Tâm Ảnh. Cốt truyện lạ (về sự kiến tánh, đạt ngộ, cảm hoá); nhân vật độc đáo (đại sư và kẻ chán đời); tình huống gay cấn, hấp dẫn và đầy bất ngờ (phút tử là phút sinh - tái sinh một con người, kiếm vung lên nhưng không rơi đầu mà chỉ xuống tóc, làm biến mất một kẻ “thất lạc cõi người” và trả lại cho đời một nhà sư); sự kiện dồn nén, hô ứng chặt chẽ, thiết lập kín kẽ như “trên một boong tàu quân sự” (“Ván cờ không còn là trò chơi nữa. Là cái gì nghiêm trọng nhất trên đời này. Ván cờ chính là cuộc đời. Ván cờ chính là sinh tử”); ngữ khí cương quyết, mạnh mẽ; giọng điệu lạnh lùng, rắn rỏi. Đặc biệt, mỗi từ ngữ của tác phẩm đều được chắt lọc, đẹp đẽ, đa biến, uyển chuyển mà dứt khoát và chuẩn xác như một thứ nhuyễn kiếm: “Mười năm lên núi sâu thiền tu, tịch mặc. Sở chướng đã trừ. Mê lầm đã tuyệt. Núi cũng là núi. Sông cũng là sông thôi. Kiếm vương kia thành Kiếm đạo. Kỳ vương kia thành Kỳ đạo. […] Này chư tử! Nay ta có mấy lời tâm huyết, như dao chém đá, như kiếm xuyên mây. Hãy nghe mà lập tâm lập hạnh. Đốt cháy kiến hoặc, dội tắt nghi tình, vào chốn ngũ trần mà thong dong tự tại. […] Một quân cờ đặt xuống, trọng lượng một quả núi. Dòng sông không chảy hai lần. Đừng do dự. Đừng ngập ngừng. Quân cờ đặt xuống là tác thành định mệnh, tác thành nhân quả, nghiệp báo. […] Hãy xuất cờ! Hãy xuất niệm! Hãy xuất kiếm! Bước tới! Không ngoảnh đầu! Không có sinh tử giữa dòng chảy trôi liên lỉ! Không có sau trước giữa vòng tròn vô thỉ, vô chung!”. Chỉ trong một đoạn văn ngắn, tác giả đã kết hợp ngôn từ của thiền học, triết học, thành ngữ dân gian, thơ ca cổ,… như một thủ pháp của liên văn bản trong lời giảng đạo của thiền sư Dai-so-kim (Nhật Bản, nửa cuối thế kỷ XV) để giải thích vì sao lời của ông khiến cho “Người ta tỉnh giấc, bàng hoàng. Ngàn năm Phật giáo kinh điển, từ chương, thụ động, tiêu cực, đắm say bùa chú, hương khói vật vờ; chợt đứng dậy, vươn cao, nắm định mệnh mình bước đi như thớt voi lâm trận, hùng dũng hô to, cánh sát cánh, vai sát vai...; ánh lửa trí tuệ bùng lên, thổi sinh khí, đem cái đẹp, sức mạnh và tự do tối thượng cho con người”. Miêu tả như thế, Minh Đức Triều Tâm Ảnh đã đạt đến tầng mức ngôn ngữ mà thi hào Đỗ Phủ xác định: “Ngữ bất kinh nhân tử bất hưu” (Lời không làm kinh động người khác thì chết không nhắm mắt).

Ngoài chất thơ trong văn xuôi, thơ ca còn hiện diện trực tiếp trong các truyện ngắn làm tăng thêm tính thẩm mỹ cho không gian, con người và sự kiện. *Say hoa, Bí mật võ đạo, Chiếc áo cũ, Khóm mặc lan, Điên chữ, Mù sương, Trầm luân lục tử* đều có thơ của chính tác giả và của các thi sĩ khác hoặc thành ngữ, tục ngữ. “Kỵ lư quá tiểu kiều/ Cảm thương mai lạc hoa/ Cổ nhân sầu bạch phát/ Kỷ độ thủy lưu hà!/ Ngã kim bạch vân quá/ Không xứ, vong cố gia!” *(Đạp tuyết tầm mai).* Lấy cảm hứng từ bài *Lương Phủ ngâm* của Gia Cát Lượng, bài thơ là tâm tình, cốt cách, là tuyên ngôn sống và tu tập rất đáng ngưỡng mộ. Bài thơ có vẻ đẹp của thi trung hữu hoạ, văn miêu tả của tác giả thì có vẻ đẹp của văn trung hữu họa, bức cổ hoạ trên chiếc bình gốm cổ lại có vẻ đẹp của hoạ trung hữu thi… Tất cả hoà quyện vào nhau nhuần nhuyễn, nhuần nhị, sâu lắng và lịch duyệt. Đọc văn của Minh Đức Triều Tâm Ảnh, có thể thấy ông rất chú ý đến thẩm mỹ ngôn từ, chăm chút từng từ ngữ, ngữ khí, ngữ lưu. Mỗi câu chữ của ông cũng là một hành trình “đạp tuyết tầm mai” đầy nghiêm túc và công phu của người cầm bút.

\*

Giữa thời kỳ sôi nổi với bao cách tân hiện đại, hậu hiện đại của văn học cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, nhà văn Minh Đức Triều Tâm Ảnh vẫn giữ cái tâm không xao động bởi ngoại giới, lặng lẽ sáng tác bằng tất cả sự tích luỹ của vốn kiến văn sâu rộng về triết học, sử học, tôn giáo, nghệ thuật, lý luận văn học và sự cảm nghiệm về thế giới của một tu sĩ - nghệ sĩ để sáng tạo nên những cái đẹp rất độc đáo, riêng biệt. Hầu hết cái đẹp trong truyện ngắn của ông đều gắn với các nhân vật là tu sĩ Phật giáo. Từ những nhân vật này, ta nhận ra pháp môn tu hành của tác giả. Đó là cái đẹp! Có rất nhiều con đường để tu tập, để chứng ngộ. Có người chọn kinh kệ, có người chọn khổ hạnh, có người chọn bố thí, hoặc võ thuật, hoặc thi ca nhạc hoạ,... Minh Đức Triều Tâm Ảnh thì tu với cái đẹp, nghĩa là tập trung công lực và nội lực vào việc sáng tạo và thưởng thức cái đẹp; hoằng pháp bằng cái đẹp với việc tạo tác không gian sống, sáng tác văn chương, viết thư pháp, viết sách về Phật học. Trong truyện ngắn của ông, các nhà sư đều là những nghệ sĩ. Họ vẽ tranh, làm thơ, đánh đàn, bình tranh, bình thơ, tầm hoa vấn nguyệt, đạp tuyết tầm mai. Suy cho cùng, cái đẹp và nghệ thuật cũng là một dạng công phu đưa con người đạt đến “tuệ giác” - năng lực sáng suốt tự tâm. Cũng từ ý nghĩa và mục đích tối thượng đó, thế giới cái đẹp trong truyện ngắn của Minh Đức Triều Tâm Ảnh, từ hình ảnh – hình tượng đã trở thành biểu tượng, đưa người đọc đi từ cảm nhận, chiêm nghiệm đến tỉnh thức như câu kết trong *Bát nhã tâm kinh*: “Gate, gate, paragate, parasamgate; Bodhi-svàha! (Vượt qua, vượt qua, cứ vượt qua, hãy vượt qua một cách trọn vẹn; chào mừng sự bùng vỡ của tuệ giác!) [2, tr.20].

-----

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Minh Đức Triều Tâm Ảnh (2008), *Bức tranh thay đổi thế giới*, Nxb. Phương Đông, Cà Mau.
2. Minh Đức Triều Tâm Ảnh (2010), *Tiếng hú trên đỉnh cô phong*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
3. Minh Đức Triều Tâm Ảnh (2019), *Người trồng hoa và chàng tu sĩ*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
4. Lại Nguyên Ân (1999), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Bakhtin M. (1993), *Những vấn đề thi pháp Đôxtôiepxki* (Trần Đình Sử dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Benac H. (2008), *Dẫn giải ý tưởng văn chương* (Nguyễn Thế Công dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
7. Nhật Chiêu (2000), *Văn học Nhật Bản từ khởi thuỷ đến 1868*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
8. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên, 2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Lâm Kiến Phát, Vương Nghiêu (2004), *Mạc Ngôn và những lời tự bạch* (Nguyễn Thị Thại dịch), Nxb. Văn học, Hà Nội.
10. Huỳnh Như Phương (2014), *Lý luận văn học*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

\* Bài đăng trong Kỷ yếu Hội thảo quốc gia VĂN HỌC MIỀN TRUNG NỬA CUỐI THẾ KỶ XX, Trường Đại học Khoa học Huế, Nxb Thuận Hoá, 6/2024); có chỉnh sửa, bổ sung.

1. Tiến sĩ, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế [↑](#footnote-ref-1)